TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 27/08/2020
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 08 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 07 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T – sinh năm 1990; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 4, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H – sinh năm 1988; vắng mặt

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 4, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn hợp pháp với nhau ngày 26 tháng 07 năm 2012 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh H được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên uống rượu xong kiếm cớ đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cuối năm 2014 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Y, huyện Y để ở và vợ chồng chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, chị và anh H không quan tâm liên lạc với nhau nữa. Tháng 2 năm 2020 anh H đã làm đơn khởi kiện xin ly

hôn chị nộp tại Tòa án nhân dân huyện Y. Chị và anh H đã đến Tòa án hòa giải vợ chồng đã làm các thủ tục thuận tình ly hôn. Trong thời hạn 7 ngày chờ Tòa án ra quyết định Thuận tình ly hôn thì anh H thay đổi và rút đơn khởi kiện. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Y đình chỉ giải quyết. Thời gian sau đó cả hai cũng không về đoàn tụ và cũng không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy vợ chồng ly thân nhau đã lâu và không còn tình cảm với nhau nữa, không có khả năng về đoàn tụ nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15 tháng 08 năm 2015. Hiện cháu đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Hải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu N.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn H hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ của anh H bà Trịnh Thị N1 ở xóm 4, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H thông qua mẹ đẻ anh H là bà Trịnh Thị N1. Anh H có biết việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh H bỏ mặc không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật T ố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy đị n h tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim T ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 15 tháng 08 năm 2015 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng đối với cháu N. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 07 năm 2012 tại UBND xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại xóm 4, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H rượu chè và đánh đập, chửi bới xúc phạm chị T. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cuối năm 2014 đến nay anh chị sống ly thân nhau và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Thực tế thì đầu năm 2020 chính anh H là người khởi kiện xin ly hôn chị T tại Tòa án nhân dân huyện Y sau đó anh H đã rút đơn khởi kiện. Quá trình Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh H không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng. Mặt khác qua làm việc với mẹ anh H là bà Trịnh Thị N1 thì bà cũng xác định: Anh H hiện đang ở cùng với vợ chồng bà tại xóm 4 xã A, anh H cũng biết việc chị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với với anh H, nhưng do đặc thù công việc của anh H lái xe sáng đi tối về công việc rất bận nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết vắng mặt anh H.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A thể hiện: Chị T và anh H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xã A được khoảng 2 đến 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H hay rượu chè nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nên khoảng từ năm 2015 chị T đã bỏ chồng và gia đình nhà chồng về bên Y, Nam Định để ở cùng bố mẹ đẻ của chị T và không quay về xã A sinh sống nữa. Chỉ có anh H sinh sống và làm ăn ở xã A. Nay chị T xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ cũng như yêu cầu, nguyện vọng của các bên để giải quyết vụ án.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ chị T và anh H đã có thời gian sống ly thân nhau đã lâu, bản thân cả hai vợ chồng cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dai, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh H cháu N do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, nay vợ chồng ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng đối với cháu N. Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn giữa chị T và anh H là như nhau, nhưng căn cứ vào tình hình thực tế kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu N ở với chị T và chị T cũng đã chăm sóc và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu. Về phía anh H không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cũng như không có ý kiến gì về vấn đề giao con sau khi ly hôn. Để không ảnh hưởng đến việc học tập cũng như môi trường sinh hoạt của của cháu N Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của chị T cũng như phù hợp với các quy định của pháp luật. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng đối với cháu N. Chị T cũng xác định mình có đủ điều kiện về vật chất để đảm bảo cuộc sống cho cháu Nam nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N sinh ngày 15 tháng 08 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Kim T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002351 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã A, huyện K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh